

Số: 3205 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND,
UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ
Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng
trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo*

bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại 477/TTr-SXD ngày 29/11/2021, Báo cáo kết quả thẩm định số 325/KQTĐ-SXD ngày 29/11/2021 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Mường La.

4. Mục tiêu, quy mô xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu:

4.1. Mục tiêu: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La để đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức xã và người dân đến liên hệ công tác; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế-xã hội của cấp ủy, chính quyền xã.

4.2. Quy mô xây dựng

- Nhà làm việc: Áp dụng thiết kế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Sơn La; nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 390m², tổng diện tích sàn 1.005m².

- Các hạng mục phụ trợ: Sân bê tông diện tích 1.355m²; đường bê tông diện tích 545m²; bể nước PCCC dung tích 63m³; nhà để máy bơm S_{xd} 12,17m²; nhà bảo vệ 1 tầng S_{xd}=16, 9m²; nhà ga ra xe máy S_{xd}= 61,2m²; cột cờ; hồ tự thấm 1,45m³; cổng rộng 5,5m; tường rào hoa sắt dài 18,5m; rãnh thoát nước dài 99m; tường rào B40 dài 184m; san nền...;

4.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND, UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La có địa điểm tại bản Nong Bông, xã Chiềng Ân,

huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Khu đất có tổng diện tích 12.020,77m² được UBND huyện Mường La xác nhận và phê duyệt tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; vị trí khu đất có ranh giới các phía giáp với sườn đồi dốc thoải; Các hạng mục công trình thuộc dự án được đầu tư xây dựng bao gồm: 01 nhà làm việc 3 tầng; các công trình phụ trợ gồm: sân, đường bê tông; hệ thống cấp điện; cấp nước; bể nước sinh hoạt + PCCC; nhà để máy bơm; hố tự thấm;.v.v. trên tổng mặt bằng bố trí bồn hoa, cây xanh, tiểu cảnh tạo cảnh quan kiến trúc và cải thiện điều kiện vi khí hậu, môi trường.

b) Giải pháp hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho dự án được đấu nối từ nguồn điện chung của khu vực cách công trình khoảng 50m;

- Cấp nước: Nguồn cấp nước cho dự án được đấu nối từ nguồn nước tự chảy cạnh công trình;

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước nước thải được xử lý qua bể phốt và thoát ra hố tự thấm; nước mưa được thu gom và thoát ra khu vực lân cận;

c) Giải pháp thiết kế chủ yếu các hạng mục công trình

c.1) Hạng mục trụ sở làm việc: Áp dụng thiết kế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Sơn La; nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 390m², tổng diện tích sàn 1.005m².

- Kiến trúc: Nhà 3 tầng; chiều dài 24,6m, chiều rộng 15,9m; bước gian 3,3m và 4,8m; nhịp 5,1m; hành lang giữa 2,4m; chiều cao tầng 1, 2, 3 là 3,6m; chiều cao mái 2,4 m; chiều cao từ cốt ±0.000 đến đỉnh mái 13,2m; cửa đi, cửa sổ bằng nhựa lõi thép; nền lát gạch ceramic kích thước (50×50)cm; trát dầm, trần vữa xi măng mác 75, trát tường trong và ngoài vữa xi măng mác 50; tường trong, ngoài nhà và trần được lăn sơn; mái chống nóng: xà gồ thép hình, lợp tôn;

- Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn, cầu thang đổ bê tông cốt thép (BTCT) cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; thang thoát hiểm khung thép chịu lực, cột, dầm bằng thép hình;

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện của khu vực. Sử dụng bóng đèn huỳnh quang có công suất 40W, đèn ốp trần có công suất 40W; quạt treo tường, quạt trần, dây dẫn, bóng đèn, quạt, điều hòa...được sử dụng hàng sản xuất trong nước đạt tiêu chuẩn. Toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống ghen mềm đi chìm tường;

- Thu lôi chống sét: Sử dụng kim thu sét Φ18mm mạ kẽm, dây dẫn và dây thu sét Φ12mm, dây tiếp địa Φ16mm, cọc tiếp địa thép hình đều cạnh. Điện trở

của bộ phận tiếp địa $\leq 10 \Omega$;

- Phòng chống cháy nổ: Công trình được thiết kế hệ thống chữa cháy cục bộ sử dụng bình bọt khí MFZ4 đặt tại vị trí thuận tiện khi sử dụng;

- Cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy: Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ hệ thống nước chung của xã, đảm bảo lưu lượng và áp lực. Sử dụng ống nhựa HDPE cấp lên bồn nước Inox 3m³ trên mái, ống nước cấp $\Phi 32\text{mm}$ & $\Phi 20\text{mm}$; hệ thống cấp nước chữa cháy sử dụng ống thép tráng kẽm đường kính $\Phi 100\text{mm}$; bố trí 02 trụ chữa cháy ngoài nhà;

- Phần thoát nước khu vệ sinh: Sử dụng ống nhựa PVC. Bể tự hoại xây gạch chỉ đặc, vữa xi măng mác 75; trát thành và đáy bể vữa xi măng mác 75, đánh màu bằng xi măng nguyên chất; nắp bể, đan đáy bể đổ BTCT cấp độ bền B15 (mác 200);

- Thoát nước mái: Sử dụng ống nhựa PVC;

- Hệ thống điện thoại, internet, mạng lan: Trong hồ sơ thiết kế.

c.2) Các hạng mục phụ trợ

- Sân bê tông: Diện tích 1.355m². Đổ bê tông cấp độ bền B15 (mác 200), dày d=10cm/ đệm cát đen tạo phẳng dày 5cm;

- Đường bê tông: Diện tích 545m². Đổ bê tông cấp độ bền B20 (mác 250), dày d=10cm/ đệm cát đen tạo phẳng dày 5cm;

- Bể nước sinh hoạt + PCCC: Dung tích 63m³. Đáy, thành, nắp bể đổ BTCT cấp độ bền B15 (mác 200)/ đệm bê tông xi măng cấp độ bền B7.5 (mác 100), dày 10cm; trát thành và đáy bể vữa xi măng mác 75;

- Nhà để máy bơm: Diện tích 12,17m²; đặt trên bể nước PCCC; tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát vữa xi măng mác 75, lăn sơn; mái: xà gồ bằng thép hình, lợp tôn; cửa khung thép, lưới B40;

- Nhà bảo vệ: Diện tích 16,9m²; kích thước (4x4)m; chiều cao từ cốt ± 0.000 đến đỉnh mái 4,95m; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 50; dầm, giằng, sàn mái đổ BTCT cấp độ bền B15 (mác 200); tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát vữa xi măng mác 50; mái chống nóng: xà gồ bằng thép hình, lợp tôn; cửa đi, cửa sổ bằng nhựa lõi thép, kính dày 6.38mm;

- Nhà để xe: diện tích 61,2m²; móng cột đổ bê tông cấp độ bền B15 (mác 200); cột, kèo, xà gồ bằng thép hình; mái lợp tôn;

- Cột cờ: Móng đổ bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200); cột cao 9m, bằng inox $\Phi 100$, $\Phi 76$ dày 4mm;

- *Hố tự thấm (thu nước thải đã xử lý qua bể phốt)*: Đáy đổ bê tông mác 100, dày 10cm; thành xây gạch không nung, vữa xi măng mác 75; trát thành và đáy bể vữa xi măng mác 75; nắp bể bê đổ BTCT cấp độ bền B15 (mác 200);

- *Cổng*: Kích thước thông thủy (rộng x cao)=(4,9x5,45)m; móng trụ, lõi trụ đổ BTCT cấp độ bền B15 (mác 200); trụ xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát vữa xi măng mác 75, lăn sơn; cánh cổng bằng thép liên kết vào trụ cổng, lắp đặt bánh xe chạy trên ray; biển trụ sở: Khung thép, bít tôn gắn chữ;

- *Hàng rào hoa sắt T1*: Dài 18,5m; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 50; trụ, tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75, lăn sơn; hoa sắt bằng thép hộp;

- *Rãnh thoát nước*: Dài 99m; đáy đổ bê tông xi măng cấp độ bền B7.5 (mác 100) dày 10cm; thành xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát, láng vữa xi măng mác 75. Hố ga: Đáy đổ bê tông xi măng cấp độ bền B7.5 (mác 100), dày 10cm; thành xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát, láng vữa xi măng mác 75; nắp đan đổ BTCT cấp độ bền B15 (mác 200);

- *Hàng rào lưới B40*: Dài 184m; móng trụ đổ bê tông xi măng cấp độ bền B12.5 (mác 150); trụ bằng thép; khung thép hình hàn lưới B40;

- *San nền*: Cốt san nền trung bình 1.257.5m, san nền theo phương pháp cân bằng đào đắp.

c.3) *Các chi tiết khác*: Trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo KT-KT: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Sơn La; địa chỉ: đường Bản Cọ, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất: Xã Chiềng Ân, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Khu đất có tổng diện tích 12.020,77m².

7. Loại, cấp công trình, thời gian sử dụng công trình chính theo thiết kế: Công trình dân dụng, cấp III; thời gian sử dụng công trình chính: 20÷50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 01 bước (thiết kế bản vẽ thi công). Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 03-2012/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- QCVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh

mạng và sức khỏe;

- QCVN 06-2020/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 02-2020/BCA: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về trạm bơm nước chữa cháy;

- QCVN 18-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng;

- QCVN 16-2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 01- 2020/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện;

- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;

- TCXD 112-1984: Hướng dẫn thực hành khảo sát đất xây dựng bằng thiết bị mới (thiết bị do PNUD đầu tư) và sử dụng tài liệu thiết kế công trình;

- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;

- TCVN 9402-2012: Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng Các-tơ;

- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;

- TCVN 2683-2012: Đất xây dựng-Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu đất;

- TCVN 4195-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4196-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định độ ẩm và hút ẩm của đất trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4197- 2012: Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4198-2014: Đất xây dựng-Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4199-1995: Đất xây dựng-Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng phòng thí nghiệm;

- TCVN 9351-2012: Đất xây dựng-Phương pháp thí nghiệm hiện trường-Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT;
- TCVN 4200: Đất xây dựng-Phương pháp xác định tính nén lún phòng thí nghiệm;
- TCVN 4202-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4601-2012: Công sở cơ quan hành chính nhà nước-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-1995: Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5928-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;
- TCVN 5760-1993: Hệ thống chữa cháy-Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng;
- TCVN 5738-2001: Hệ thống báo cháy-Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 3890-2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 33-2006: Cấp nước đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan;

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 9.400 triệu đồng,

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.752,532	triệu đồng
- Chi phí thiết bị (TT):	369,0	triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án:	203,540	triệu đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	669,852	triệu đồng
- Chi phí khác:	143,761	triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	261,315	triệu đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

11. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Bố trí 9.400 triệu đồng nguồn ngân sách tỉnh trong các năm 2022-2024.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Mường La (*chủ đầu tư*): Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

2. Giám đốc Sở Xây dựng chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu thẩm định, trình phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mường La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT; KGVX, TH, KT_(Quý), 25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh